

Số: 346/BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 8 tháng 11 năm 2015

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II, Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015, Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009, Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2011- 2014

(Phục vụ Đoàn Thanh tra Ủy ban Dân tộc)

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số:..... 2195.....
	Ngày: 18/11/2015
	Chuyên: Thanh tra (theo Quyết định số 290/QĐ-TTr ngày 02/10/2015 của Chánh Thanh tra Ủy ban Dân tộc)

Thực hiện Công văn số 294/TTr-PIII ngày 12/10/2015 của Trưởng Đoàn thanh tra Ủy ban Dân tộc) về việc cung cấp báo cáo, hồ sơ tài liệu và dự kiến tiến độ thực hiện cuộc thanh tra, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II, Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015, Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009, Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2011- 2014 như sau:

I. Khái quát, đánh giá chung

1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.

Tỉnh Quảng Ngãi nằm ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía Nam giáp tỉnh Bình Định, phía Tây giáp tỉnh Kon Tum và phía Đông giáp biển Đông, toàn tỉnh có 14 đơn vị hành chính, trong đó 06 huyện vùng cao đều thuộc danh sách 62 huyện nghèo đang thực hiện Chương trình Hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ.

Toàn tỉnh có 184 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 56 xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), xã An toàn khu và 45 thôn ĐBKK thuộc vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng dân số toàn tỉnh là 1.241.400 người, trong đó dân tộc thiểu số (DTTS) là 183.558 người chiếm khoảng 14,78%, gồm: 130.402 người H're, 32.826 người Co, 19.692 người Ca dong (Xơ đăng) và 638 người là các DTTS khác. Đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống tập trung chủ yếu tại 06 huyện vùng cao của tỉnh.

Hiện nay, đã có 60/67 xã có đường ô tô đến trung tâm xã và rất thuận lợi cho việc đi lại suốt cả 4 mùa; 13/67 xã có chợ trung tâm xã; 67/67 xã có trạm y tế, trong đó có 30% số xã có trạm y tế đạt chuẩn; tỷ lệ hộ được sử dụng lưới điện Quốc gia là 90,4%; tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 77%; tỷ

lệ hộ gia đình được xem truyền hình là 90,75% và tỷ lệ hộ nghe đài tiếng nói Việt Nam là 95,6%.

Về tỷ lệ hộ nghèo, vào thời điểm 01/01/2011, tỉ lệ hộ nghèo của khu vực 06 huyện vùng cao là 60,87%; đến ngày 01/01/2015, chỉ số này là 35,03% (giảm tổng cộng 25,84% trong 04 năm). Riêng hộ nghèo là đồng bào DTTS đầu năm 01/01/2015 chiếm 39,80% và cận nghèo là 13,33%.

2. Khái quát tình hình và đánh giá chung kết quả thực hiện một số Chương trình, chính sách dân tộc từ năm 2011 đến năm 2014:

2.1. Chương trình 135 giai đoạn II, Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 và Quyết định số 551/QĐ-TTg

a) Thuận lợi

- Chương trình 135 trong giai đoạn 2011-2014 được kế thừa những kinh nghiệm trong quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2006-2010.

- Chương trình 135 giai đoạn 2011-2015 nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền từ tỉnh đến xã.

b) Khó khăn

- Về nội dung: trong giai đoạn 2011-2014, việc bố trí vốn và cơ chế thực hiện chưa phù hợp:

+ Năm 2011: Kế hoạch vốn Trung ương bố trí vào cuối tháng 11/2011, vì vậy phần vốn này đã được chuyển sang thực hiện trong năm 2012, gồm có 03 hợp phần là Hỗ trợ phát triển sản xuất, Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (CSHT) và đào tạo, nâng cao năng lực.

+ Giai đoạn 2012-2013: Năm 2012 ngoài việc triển khai phần vốn được bố trí tháng 11/2011; kế hoạch năm 2012 và 2013, Chương trình 135 chưa có cơ chế riêng mà thực hiện theo cơ chế của dự án Hỗ trợ cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn bản ĐBKK (dự án 2) thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững (không có các hợp phần Hỗ trợ sản xuất, Hợp phần đào tạo).

+ Năm 2014: Chương trình 135 được thực hiện theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 551/QĐ-TTg) với 02 Hợp phần là Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và Hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Về vốn đầu tư: Trong giai đoạn 2011-2012, mức vốn hỗ trợ Chương trình 135 không thay đổi như giai đoạn 2006-2010, giai đoạn 2013-2014 chương trình được thực hiện theo qui định của Quyết định số 551/QĐ-TTg (với định mức tăng 1,5 lần so với định mức của Chương trình trong giai đoạn 2006-2010);

- Về hướng dẫn thực hiện: một số văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình của các cơ quan Trung ương chưa kịp thời; công tác tập huấn, hướng dẫn

triển khai thực hiện Chương trình không được thực hiện (nhất là tập huấn hướng dẫn cho cấp xã) nên ảnh hưởng đến hiệu quả và thực hiện mục tiêu của chương trình.

2.2 Quyết định số 1342/QĐ-TTg và Quyết định số 33/QĐ-TTg

Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư (ĐCĐC) đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 là nhằm tạo điều kiện cho đồng bào DTTS còn du canh, du cư có nơi ở ổn định, có đủ điều kiện phát triển sản xuất.

a) Các dự án đã được phê duyệt

Tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ đã duyệt Kế hoạch ĐCĐC cho đồng bào DTTS du canh, du cư ở Quảng Ngãi đến năm 2012 là 35 dự án, với tổng mức đầu tư là 199.179 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển (ĐTPT): 129.682 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 60.606 triệu đồng và vốn lồng ghép: 8.891 triệu đồng). Trong đó: 29 dự án ĐCĐC tập trung và 6 dự án ĐCĐC xen ghép, với 2.042 hộ/7.879 khẩu thụ hưởng chính sách.

Thực hiện Công văn số 780/UBND-CSĐT ngày 29/9/2009 và Công văn số 793/UBND-CSĐT ngày 30/9/2009 của Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện rà soát, điều chỉnh bổ sung các dự án trên, đến cuối tháng 12/2009 UBND tỉnh ban hành các Quyết định phê duyệt lại 35 dự án ĐCĐC, với tổng mức đầu tư là: 252.724,8 triệu đồng (NSTW theo QĐ số 1342/QĐ-TTg): 192.142,0 triệu đồng, ngân sách địa phương và lồng ghép vốn khác: 60.582,8 triệu đồng). Trong đó: 29 Dự án ĐCĐC tập trung và 6 Dự án ĐCĐC xen ghép với 2.230 hộ/ 8.966 khẩu thụ hưởng chính sách.

b) Tình hình và kết quả thực hiện từ năm 2009 đến nay

Tổng vốn Trung ương bố trí từ năm 2009 đến nay là 93.300,00 triệu đồng đạt 46,8% so KH vốn tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg, trong đó: vốn ĐTPT là 38.600,0 triệu đồng chiếm 29,7% và vốn sự nghiệp là 54.700,0 triệu đồng chiếm 90,3%, nguồn vốn Trung ương bố trí thấp khó khăn cho địa phương.

+ Nguồn vốn Trung ương phân bổ chưa đảm bảo để thực hiện được mục tiêu của Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

+ Tỷ lệ giữa hai nguồn vốn ĐTPT và nguồn vốn sự nghiệp đã bố trí chưa hợp lý, vì chưa có vốn ĐTPT để xây dựng cơ sở hạ tầng mà lại bố trí vốn sự nghiệp để hỗ trợ trực tiếp cho hộ về điểm ĐCĐC tập trung nên không thể thực hiện được vốn sự nghiệp đã phân cho một số Dự án ĐCĐC tập trung trong những năm vừa qua. Do vậy, năm 2015 Trung ương bố trí vốn sự nghiệp là 9.400 triệu đồng, đến nay chưa phân bổ được vì: hình thức ĐCĐC xen ghép không còn đối tượng để thực hiện; các Dự án ĐCĐC tập trung còn lại chưa được bố trí vốn ĐTPT để xây dựng hạ tầng thiết yếu nên chưa có cơ sở để phân bổ vốn này.

2.3 Nghị định 134/NĐ-CP

a) Tình hình chung

Đối với việc cử tuyển là chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng, Nhà nước, là giải pháp quan trọng và có hiệu quả góp phần tăng cường đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số cho các huyện miền núi; góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, cần thiết đối với tình có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn như tỉnh Quảng Ngãi. Chính sách cử tuyển đã tạo điều kiện học sinh các dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn có cơ hội được học tập, tiếp thu kiến thức khoa học, kĩ thuật; được giao lưu văn hoá, nâng cao nhận thức để đem kiến thức của mình phục vụ quê hương, bản làng.

Xuất phát từ điều kiện thực tế đội ngũ cán bộ người địa phương được đào tạo trình độ đại học, cao đẳng còn rất hạn chế. Vì vậy, chính sách cử tuyển trong tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng của tỉnh luôn được Đảng bộ, chính quyền địa phương, các ban ngành trong tỉnh quan tâm, coi trọng.

b) Kết quả triển khai thực hiện Chính sách cử tuyển theo Nghị định 134/NĐ-CP của tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011 đến hết năm 2014 như sau

- Căn cứ chỉ tiêu cử tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) cho tỉnh hàng năm, tỉnh đã phân bổ chỉ tiêu, hướng dẫn tuyển sinh cử tuyển đến các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện miền núi trong tỉnh. Quá trình tuyển sinh được tiến hành công khai, minh bạch, đảm bảo công bằng, dân chủ, đúng quy trình, bám sát các văn bản hướng dẫn của cấp trên quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, vùng tuyển, thứ tự ưu tiên trong xét tuyển; kết quả xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh cấp tỉnh được thông báo công khai, rộng rãi.

+ Chỉ tiêu được Bộ Giáo dục và Đào tạo phân bổ cho tỉnh trong giai đoạn 2011-2014 là 171 (số lượng chi tiết có phụ lục 1 kèm theo báo cáo).

+ Số lượng học sinh được UBND tỉnh cử đi học trong giai đoạn 2011-2014 là 165 (số lượng chi tiết có phụ lục 2 kèm theo báo cáo).

+ Số lượng học sinh được UBND tỉnh cử đi học so với chỉ tiêu được Bộ Giáo dục và Đào tạo phân bổ cho tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn 2011 - 2014 đạt tỷ lệ 96,49%.

- Về kinh phí thực hiện:

+ Từ năm 2008 đến năm 2011: Thực hiện chi trả kinh phí theo quy định là 9.476.303.000 (chín tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm linh ba nghìn đồng).

+ Từ năm 2012 trở đi, kinh phí được cấp trực tiếp cho sinh viên cử tuyển nhận số tiền này để nộp cho trường các khoản kinh phí theo qui định hiện hành.

II. Công tác chỉ đạo điều hành tổ chức triển khai thực hiện

1. Chương trình 135 giai đoạn II, Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 và Quyết định số 551/QĐ-TTg

Tỉnh Quảng Ngãi giao nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện Chương trình 135 cho Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh thực hiện. Ban Dân tộc là cơ quan thường trực của Chương trình 135 chủ động và phối hợp với các sở, ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh trong công tác chỉ đạo thực hiện chương trình.

Ở địa bàn huyện do Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững huyện chỉ đạo. Phòng Dân tộc huyện là cơ quan thường trực có nhiệm vụ phối hợp với các đơn vị chức năng của huyện tham mưu giúp UBND huyện chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại huyện và xã.

UBND tỉnh đã ban hành các văn bản sau:

- Tiêu chí phân loại xã đặc biệt khó khăn, xã An toàn khu thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2014-2015 và giai đoạn 2016-2020 tỉnh Quảng Ngãi (ban hành kèm theo Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 22/01/2014).

- Kế hoạch thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh đăng ký với kế hoạch vốn với các bộ, ngành Trung ương, phân khai kế hoạch cho các địa phương theo quy định.

- Chỉ đạo Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan chuyên môn hướng dẫn, hoặc tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn các đơn vị địa phương thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135.

- Chỉ đạo tổ chức Hội nghị triển khai Chương trình 135 theo Quyết định số 551/QĐ-TTg.

- Đối với nội dung Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh người DTTS ở khu vực đặc biệt khó khăn (thuộc kế hoạch của Chương trình 135 năm 2011), UBND tỉnh cho tạm ứng trước ngân sách nhằm thực hiện chế độ cho học sinh trong khi kinh phí chậm được Bộ Tài chính thông báo. Nhìn chung, cũng như các năm học trước đây cho đến cuối năm 2011, phần lớn học sinh thuộc diện hưởng chính sách theo đúng qui định, góp phần giảm mạnh tỉ lệ bỏ học giữa chừng của học sinh người DTTS trong các năm.

- Đối với các dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại bổ sung của nước ngoài (Chính phủ Phần Lan, Chính phủ Ai Len, Liên minh Châu Âu - EU), UBND tỉnh giao kế hoạch cho UBND các huyện để tổ chức thực hiện. Chỉ đạo Ban Dân tộc thực hiện kiểm tra, giám sát, tổ chức phối hợp với đoàn kiểm tra của Đại diện Nhà tài trợ kiểm tra tình hình sử dụng vốn, góp phần đảm bảo tiến độ theo yêu cầu và các công trình đều hoàn thành trong thời gian qui định và tiến độ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Hướng dẫn UBND các huyện, các xã rà soát, bổ sung, điều chỉnh danh mục địa bàn thực hiện Chương trình 135, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ủy ban Dân tộc để điều chỉnh kịp thời.

Về phân cấp quản lý thực hiện

- Đối với dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất: UBND tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý Nhà nước về chuyên ngành, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện dự án này ở các địa phương. Ở cấp huyện, UBND huyện quyết định phê duyệt dự án và UBND xã tổ chức lựa chọn, chỉ định đơn vị cung cấp, thực hiện dịch vụ.

- Đối với dự án hỗ trợ đầu tư CSHT: UBND tỉnh giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước, tham mưu cho UBND tỉnh quyết định giao kế hoạch cho UBND các huyện. UBND huyện là cơ quan quyết định đầu tư các dự án và chủ đầu tư thực hiện lựa chọn, chỉ định đơn vị thi công.

- Giao Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để trình UBND tỉnh giao kế hoạch cho UBND các huyện; Chủ trì, tổ chức phối hợp với các cơ quan chuyên môn để hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình tại các địa phương.

- Đối với dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất: 100% số xã thực hiện Chương trình 135 được UBND huyện phân cấp làm chủ đầu tư.

- Đối với dự án Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: Trong giai đoạn 2011 -2014, UBND các huyện đã phân cấp cho 100% xã thực hiện chương trình 135 làm chủ đầu tư. Tuy nhiên, có một số công trình (7,2% tổng số công trình) do Ban Quản lý các Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện làm chủ đầu tư.

- Đối với Duy tu bảo dưỡng (DTBD): tất cả các xã có công trình DTBD đều được UBND huyện giao cho UBND xã làm chủ đầu tư.

- Trong năm 2011-2013, UBND tỉnh giao kế hoạch vốn cho UBND các huyện theo đúng định mức được TW phân bổ và theo Tiêu chí phân loại xã đặc biệt khó khăn, xã An toàn khu thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2014-2015 và giai đoạn 2015-2016 tỉnh Quảng Ngãi, đảm bảo theo hướng xã có mức độ khó khăn nhiều hơn sẽ được phân bổ vốn cao hơn và ngược lại.

- Các nội dung được phép thực hiện, nguồn vốn của Chương trình 135 đều được các địa phương tổ chức thông tin công khai trong các cuộc họp triển khai để tất cả các đối tượng được tham gia ngay từ khâu lập kế hoạch đến việc tổ chức triển khai thực hiện theo đúng qui định và hướng dẫn của Chương trình.

- Các kế hoạch thực hiện Chương trình 135 hàng năm được UBND các xã niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, những nơi sinh hoạt cộng đồng để người dân theo dõi. Nội dung niêm yết gồm: nội dung thực hiện Chương trình, mức vốn đầu tư, đơn vị thực hiện....

- Các xã thực hiện Chương trình 135 và các xã có thôn ĐBKK thực hiện Chương trình 135 thành lập Ban Giám sát cộng đồng để giám sát việc đầu tư, thực hiện Chương trình và đã từng bước phát huy được vai trò của mình trong công tác giám sát.

Trong giai đoạn 2011-2014, Chương trình 135 không được bố trí ngân sách để thực hiện việc thông tin, tuyên truyền. Vì vậy, các hoạt động thông tin, tuyên truyền về Chương trình chủ yếu được thực hiện thông qua việc lồng ghép với các cuộc họp lập kế hoạch ở cấp thôn, xã. Qua đó, lãnh đạo xã, thôn và những người có uy tín nắm bắt được các yêu cầu của Chương trình 135 trong giai đoạn để tổ chức thực hiện.

- Công tác gắn biển công trình 135 được các Chủ đầu tư quan tâm đúng mức. Tất cả các công trình được đầu tư từ nguồn vốn của Chương trình 135 giai đoạn 2011-2015 đều được gắn biển tên công trình theo đúng quy định.

- Công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan thuộc tỉnh: Hàng năm, HĐND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình tại các địa phương. Thông qua các đợt kiểm tra, giám sát đã phát hiện những thiếu sót, vướng mắc kịp thời chỉ đạo điều chỉnh và khắc phục những tồn tại, thiếu sót, tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Các xã thực hiện Chương trình 135-II đều thành lập Ban Giám sát xã đại diện cho nhân dân giám sát việc thực hiện các dự án, chính sách thuộc Chương trình 135-II trên địa bàn xã. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của một số Ban Giám sát xã còn hạn chế.

2. Quyết định số 1342/QĐ-TTg và Quyết định số 33/QĐ-TTg

- Thực hiện Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007-2010 và các Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 09/4/2008 về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai xây dựng Dự án định canh, định cư đối với đồng bào DTTS tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2008 - 2010.

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 08/7/2009 về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DTTS vùng khó khăn của các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2009-2010, tại Quyết định đã giao trách nhiệm cho các cấp, các ngành liên quan về công tác tổ chức quản lý, chỉ đạo thực hiện Chính sách này như sau:

+ *Ban Dân tộc tỉnh*: Tham mưu giúp UBND tỉnh trong quản lý nhà nước về công tác ĐCĐC và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DTTS theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ; hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ở các huyện và thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định hiện hành.

+ *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*: Tham mưu giúp UBND tỉnh có nhiệm vụ hướng dẫn quy trình khai hoang tạo quỹ đất sản xuất, xây dựng công trình thủy lợi nhỏ phục vụ sản xuất, xây dựng hệ thống nước sinh hoạt.

+ *Sở Tài nguyên và Môi trường*: Hướng dẫn các thủ tục giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất và đất ở cho dân.

+ *Sở Xây dựng*: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và UBND các huyện có hộ đồng bào DTTS thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg để ban hành các thiết kế mẫu, dự toán xây dựng nhà ở theo hướng ngân sách Nhà nước hỗ trợ tạo khung nhà, còn lại huy động vốn khác, ngày công, vật liệu của từng hộ dân xây dựng hoàn chỉnh nhà ở, và một số công trình phúc lợi công cộng có sự lựa chọn phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt của từng dân tộc và tình hình thực tế của mỗi địa phương.

+ *Sở Kế hoạch và Đầu tư*: Tham mưu đề xuất với UBND tỉnh ban hành các quy định về huy động, lồng ghép các nguồn vốn; hướng dẫn cơ chế lồng ghép nguồn vốn của các Chương trình, Chính sách, Dự án và tham mưu trình UBND tỉnh cân đối nguồn vốn lồng ghép trên địa bàn để thực hiện Đề án.

+ *Sở Tài chính*: Hướng dẫn công tác lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện chính sách theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tham mưu trình UBND tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh, nguồn vốn của các Chương trình, Chính sách, Dự án và các nguồn vốn huy động khác (nếu có) để đảm bảo thực hiện Đề án.

+ *Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi*: Tổ chức tuyên truyền việc triển khai thực hiện một số chính sách của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DTTS theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh, kịp thời đưa tin những cá nhân và tổ chức tham gia thực hiện tốt Chính sách này ở từng địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ *UBND huyện có hộ đồng bào DTTS thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg*: Chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện, thực hiện các nhiệm vụ:

* Xây dựng Kế hoạch và các Dự án ĐCĐC trên địa bàn, triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hàng năm.

* Hàng năm căn cứ chỉ tiêu, kế hoạch phân bổ của Trung ương, UBND tỉnh phân bổ kinh phí; UBND huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo Ban Quản lý Dự án ĐCĐC của huyện phối hợp với các cơ quan chức năng giúp UBND huyện quản lý và tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn huyện.

* Tổ chức tuyên truyền sâu rộng, công bố công khai các khoản hỗ trợ trong chính sách và các giải pháp thực hiện về hỗ trợ một số chính sách theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg để nhân dân, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong vùng tham gia.

* Tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo UBND tỉnh và Ban Dân tộc kịp thời theo định kỳ hoặc đột xuất.

+ *UBND xã, thị trấn*: Tổ chức thực hiện vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho ngân sách xã tiếp nhận các hộ du canh, du cư đến ĐCĐC xen ghép và các nguồn vốn khác đúng theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; phối hợp các tổ chức xã hội, đoàn thể và nhân dân ở địa phương có liên quan trong công tác tổ chức, triển khai thực hiện hình thức định canh, định cư tập trung trên địa bàn xã, tuyên truyền sâu rộng các chính sách hỗ trợ trong nhân dân. Bình xét và phân loại hộ có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất, đất ở phải đảm bảo công khai, dân chủ thông qua các tổ chức đoàn thể, vận động các hộ thực hiện ĐCĐC và cộng đồng dân cư nêu cao ý thức trách nhiệm, đoàn kết giúp đỡ nhau, góp phần thực hiện tốt Chính sách.

3. Nghị định 134/NĐ-CP

a) *Việc thực hiện chế độ cử tuyển*

Thực hiện các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành về công tác cử tuyển, tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai công tác cử tuyển theo đúng văn bản hướng dẫn của các cấp, bảo đảm tính nghiêm túc, công khai, công bằng, minh bạch, tạo điều kiện và cơ hội cho hàng trăm lượt học sinh của tỉnh được vào học tại các trường Đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

b) *Về công tác quản lý người học theo chế độ cử tuyển*

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 17/5/2013 về Quy chế phối hợp trách nhiệm trong việc theo dõi, quản lý đối với học sinh, sinh viên thuộc diện cử tuyển tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp công lập trong cả nước, theo đó giao nhiệm vụ cho các sở ngành liên quan thực hiện.

c) *Công tác tiếp nhận và phân công công tác cho người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp trở về địa phương*

Trong những năm qua, các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm đến vấn đề giải quyết việc làm cho học sinh cử tuyển sau khi tốt nghiệp ra trường. Từ năm 2011 đến hết năm 2014, đã tuyển dụng được 134 học sinh cử tuyển và phân công về công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

III. Kết quả thực hiện

1. Chương trình 135 giai đoạn II, Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 và Quyết định số 551/QĐ-TTg từ năm 2011 đến hết năm 2014.

1.1 Kết quả thực hiện các dự án của Chương trình 135 năm 2011 (kế hoạch vốn năm 2011 và thực hiện trong năm 2012).

a) *Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất.*

- Kế hoạch vốn được giao: Tổng vốn của dự án này là 14.150 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện:

+ Hỗ trợ giống cây trồng: cấp 11,264 tấn hạt giống lúa và đậu xanh; 3,164 triệu cây giống lâm nghiệp các loại gồm cây keo giâm hom, cây quế địa

phương, xà cừ; 52.233 cây giống ăn quả, chủ yếu là cây chuối, bưởi da xanh. Tổng số hộ được hỗ trợ giống cây trồng là 3.254 hộ.

+ Hỗ trợ giống vật nuôi: cấp 2.293 con heo giống; 09 con trâu cái giống; 4.071 con giống gia cầm các loại gồm gà thả vườn và vịt xiêm. Tổng số hộ được cấp giống vật nuôi là 2.307 hộ.

+ Hỗ trợ vật tư sản xuất: cấp 2,325 tấn phân bón các loại cho 84 hộ.

+ Hỗ trợ công cụ sản xuất: cấp 64 máy tuốt lúa và máy gặt lúa đeo vai các loại; 1.816 công cụ sản xuất gồm bình phun thuốc, rựa và cuốc. Tổng số hộ được hỗ trợ công cụ sản xuất là 1.756 hộ.

+ Thực hiện mô hình chuyển giao kỹ thuật: 01 mô hình nuôi trâu cải tiến.

- Giải ngân (đến 31/01/2013): 13.742 triệu đồng, đạt 97,1% kế hoạch.

b) Dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

- Kế hoạch vốn giao là: 48.200 triệu đồng để xây dựng mới 86 công trình. Trong đó có 71 công trình đầu tư mới, 15 công trình nâng cấp, mở rộng.

- Kết quả thực hiện:

+ Về phân cấp: Có 83 công trình (chiếm 96,5% tổng số công trình trong kế hoạch) do UBND các xã làm chủ đầu tư (chiếm 92,86% số xã).

+ Về tiến độ: tất cả 86 công trình đã được hoàn thành trong năm 2012.

- Về giải ngân (đến 30/01/2013): 46.273 triệu đồng, đạt 96% kế hoạch.

c) Duy tu bảo dưỡng.

- Kế hoạch được giao là 3.093 triệu đồng (trong đó có 56 triệu đồng thuộc KH năm trước chuyển sang của huyện Sơn Tây để trả nợ khối lượng hoàn thành) để thực hiện duy tu bảo dưỡng cho 33 công trình.

- Tình hình thực hiện: Tất cả 33/33 công trình đã hoàn thành việc duy tu bảo dưỡng đưa vào sử dụng trong năm 2012.

- Về giải ngân (đến 31/01/2013): 2.689 triệu đồng, đạt 88,5% kế hoạch.

d) Dự án Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng.

Tổng kế hoạch vốn Trung ương giao là 2.985 triệu đồng đã thực hiện hiện và đã giải ngân được 2.461 triệu đồng, đạt 82,5% kế hoạch.

Đã tổ chức 13 lớp tập huấn cho 436 học viên là các bộ cấp xã với các nội dung như kỹ năng về quản lý dự án, kỹ năng về giám sát đầu tư...; 123 lớp tập huấn với 4.831 học viên là cán bộ thôn và cộng đồng tham dự với các nội dung tập trung chủ yếu về công tác giám sát và duy tu bảo dưỡng công trình CSHT, kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi các loại cây trồng, vật nuôi...

Thông qua các khóa tập huấn, cán bộ cấp xã, thôn đã từng bước nắm vững các kiến thức quản lý, tổ chức thực hiện các dự án từ việc chuẩn bị đầu tư đến triển khai thực hiện, giảm thiểu sự sai sót ở mức thấp nhất, rút ngắn thời gian về lập thủ tục đầu tư. Các quy định về thủ tục đầu tư, giải ngân, thanh quyết toán chương trình, dự án đã được thực hiện ngày càng tốt hơn.

1.2. Kết quả thực hiện dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững và Quyết định 551/QĐ-TTg

a) Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất

- Về thực hiện vốn: Nội dung này chỉ được thực hiện trong kế hoạch năm 2014 với tổng vốn được bố trí là 19.050 triệu đồng, giải ngân đến cuối năm 2014 là 14.617 triệu đồng, đạt 76,7%.

- Kết quả thực hiện:

+ Đã thực hiện hỗ trợ gần 2,760 triệu cây giống lâm nghiệp, cây ăn quả các loại cho 3.345 hộ; hỗ trợ gần 247 nghìn cây mía giống cho 54 hộ; hỗ trợ trên 8,3 tấn lúa giống, lạc giống cho 625 hộ; hỗ trợ 6,5 tấn cỏ giống cho 50 hộ; hỗ trợ trên 1.000 con giống gia súc các loại cho 934 hộ; hỗ trợ trên 5.500 con gia cầm các loại cho 247 hộ.

+ Hỗ trợ trên 45,7 tấn phân bón các loại cho 1.544 hộ và trên 3.000 đơn vị thuốc bảo vệ thực vật cho 553 hộ.

+ Xây dựng 09 mô hình trồng trọt và chăn nuôi với 118 hộ tham gia; tổ chức 50 khóa tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi cho 856 lượt người tham dự.

+ Hỗ trợ 804 công cụ sản xuất các loại như cuốc, xẻng, máy cắt lúa... cho 876 hộ.

b) Dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Về thực hiện vốn: Trong giai đoạn 2012-2014, tổng kế hoạch vốn được bố trí cho dự án này là 165.800 triệu đồng, giải ngân lũy kế đến cuối năm 2014 là 151.932 triệu đồng, đạt 91,6%.

- Kết quả thực hiện: Trong 3 năm, đã có 282 công trình cơ sở hạ tầng các loại được đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa. Đến tháng 06/2015, có 282 công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Cụ thể:

+ Về giao thông: Đã đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa 161 công trình, làm cứng hóa và nâng cấp hơn 147 km đường giao thông từ xã về các thôn, tạo điều kiện cho việc đi lại người dân trong vùng

+ Về thủy lợi: Với 50 công trình được xây dựng mới và nâng cấp đã đảm bảo tưới ổn định cho 343 ha đất canh tác.

+ Về công trình điện: Trong giai đoạn này, 06 công trình điện được đầu tư đã tạo điều kiện cung cấp điện sinh hoạt và sản xuất cho 492 hộ.

+ Về giáo dục: Với 10 công trình trường học đã xây dựng, đã làm mới 43 phòng học Mẫu giáo và Tiểu học.

+ Công trình nhà sinh hoạt cộng đồng: Thông qua Chương trình, đã có 35 nhà sinh hoạt cộng đồng. Các nhà sinh hoạt cộng đồng đã tạo điều kiện cho người dân có nơi sinh hoạt, họp hành; trao đổi những kinh nghiệm sản xuất, tổ chức các lễ hội của đồng bào.

+ Công trình cấp nước sinh hoạt: Chương trình đã đầu tư xây dựng 20 công trình nước sinh hoạt (thuộc kế hoạch năm 2012) đã tạo điều kiện cung cấp nước sinh hoạt cho 1.804 hộ dân trong vùng, đảm bảo vệ sinh và góp phần vào việc phòng chống một số bệnh dịch trong vùng.

Thông qua việc thực hiện dự án Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, đã góp phần tăng cường năng lực của hệ thống cơ sở hạ tầng để phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của cộng đồng dân cư vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh, tạo cơ sở thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững ở những địa bàn này.

c) Duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng.

- Về thực hiện vốn: Trong giai đoạn 2012-2014, tổng kế hoạch vốn được bố trí để thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng là 8.240 triệu đồng từ nguồn ngân sách Trung ương, giải ngân lũy kế đến cuối năm 2014 là 7.290 triệu đồng, đạt 88,5%.

- Kết quả thực hiện: Trong giai đoạn 2012-2014 đã thực hiện duy tu bảo dưỡng 104 công trình trên địa bàn các xã ĐBKK. Trong đó: 28 công trình giao thông; 23 công trình thủy lợi; 01 công trình trường học; 37 công trình nước sinh hoạt tập trung; 14 công trình nhà sinh hoạt cộng đồng và 01 công trình trạm y tế xã.

Thông qua công tác duy tu bảo dưỡng, các công trình hạ tầng đã được đầu tư xây dựng trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã được duy trì, kéo dài thời gian sử dụng, phục vụ tốt hơn cho đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân và góp phần củng cố, đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng của vùng.

1.3. Các dự án sử dụng vốn viện trợ của nước ngoài bổ sung cho Chương trình 135

Tổng kế hoạch vốn viện trợ của nước ngoài bổ sung cho chương trình 135 của tỉnh trong giai đoạn 2011-2014 là 39.900 triệu đồng để đầu tư xây dựng 35 công trình tại 35 xã ĐBKK của tỉnh. Giải ngân đến cuối năm 2014 là 34.881 triệu đồng, đạt 87,4% kế hoạch giao. Kết quả thực hiện của từng nguồn vốn như sau:

a) Vốn viện trợ của Chính phủ Phần Lan

Tổng kế hoạch vốn được giao từ nguồn vốn viện trợ này trong năm 2011 là 6.300 triệu đồng để đầu tư xây dựng 06 công trình. Tất cả 06 công trình này đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đã giải ngân được 6.080 triệu đồng, đạt 96,5% kế hoạch giao.

b) Vốn viện trợ của Liên minh Châu Âu (EU)

Tổng kế hoạch vốn được giao từ nguồn vốn viện trợ này trong năm 2011 thực hiện trong năm 2012 là 10.100 triệu đồng để đầu tư xây dựng 07 công trình. Tất cả 07 công trình này đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đã giải ngân được 9.687 triệu đồng, đạt 96% kế hoạch.

c) Vốn viện trợ của Chính phủ Ai Len

Tổng kế hoạch vốn được giao trong giai đoạn 2012-2014 là 23.500 triệu đồng để đầu tư xây dựng 16 công trình. Đến nay, có 16 công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đến cuối năm 2014 đã giải ngân được 19.114 triệu đồng, đạt 81,3% kế hoạch giao.

(Chi tiết xem tại Phụ lục I kèm theo).

2. Quyết định số 1342/QĐ-TTg và Quyết định số 33/QĐ-TTg

a) Tình hình phân bổ vốn từ năm 2011 đến năm 2014.

- Vốn Trung ương phân bổ từ năm 2011 đến năm 2014 là 59.400,00 triệu đồng, trong đó: vốn ĐTPT là 24.600,0 triệu đồng, chiếm 41,41%% và vốn SN là 34.800,0 triệu đồng chiếm 58,59 %.

- Vốn Ngân sách tỉnh phân bổ từ năm 2011 đến năm 2014 là 18.912,8 triệu đồng, trong đó: vốn ĐTPT là 18.532,8 triệu đồng và vốn SN là 380,0 triệu đồng.

b) Kết quả thực hiện từ năm 2011 đến năm 2014.

- Về hình thức ĐCĐC tập trung:

Từ năm 2011 đến năm 2014, tổng nguồn vốn (Trung ương và địa phương) đã bố trí cho 06 Dự án/29 Dự án ĐCĐC tập trung, với tổng vốn là 32.668,2 triệu đồng, trong đó: vốn NSTW là 31.278,2 triệu đồng, vốn địa phương là 1.390 triệu đồng.

+ Đối với nguồn vốn địa phương là 1.390 triệu đồng trên đã lồng ghép với NSTW phân bổ cho 02 Dự án ĐCĐC tập trung.

+ Nguồn vốn NSTW là 31.278,2 triệu đồng, trong đó: vốn ĐTPT: 24.600 triệu đồng đã bố trí 06 Dự án, đến nay đã hoàn thành 1 dự án (*Dự án xây dựng điểm ĐCĐC tập trung Mang Pô, xã Sơn Ba, huyện Sơn Hà*), các dự án còn lại chưa hoàn thành. Vốn sự nghiệp: đến năm 2014 Trung ương đã phân bổ 17.025,9 triệu đồng đủ vốn cho 17 Dự án, trong đó có 06 Dự án đã được phân bổ vốn ĐTPT nêu trên.

- Về hình thức ĐCĐC xen ghép:

Từ năm 2011 đến năm 2014, tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện 05 Dự án ĐCĐC xen ghép, với tổng kinh phí là 17.855,58 triệu đồng, đạt 72,9% so KH vốn sự nghiệp thực hiện ĐCĐC xen ghép tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg; tuy kinh phí đã thực hiện chỉ đạt 72,9% nhưng đã giải quyết được 743 hộ ĐCĐC ổn định, đạt 155,4% so số hộ tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg (*Chi tiết có tại Phụ lục II*).

IV. Nhận xét, đánh giá

1. Thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II, Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 và Quyết định số 551/QĐ-TTg

- Về mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân giai đoạn 2011-2015: Mục tiêu của Chương trình được đặt ra là giảm bình quân 4%/năm. Mức giảm tỷ lệ hộ

nghèo bình quân hàng năm trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh trong giai đoạn 2011-2014 là 6,75%/năm.

- Về tỉ lệ xã, thôn có điện đến năm 2015: Mục tiêu là 95% trung tâm xã, trên 60% thôn có điện. Hiện nay, tỉnh ta đã có 100% trung tâm xã và 92% thôn đã có điện lưới.

- Về thu nhập bình quân đầu người: Mục tiêu là thu nhập bình quân đầu người đạt 50% mức bình quân chung khu vực nông thôn của cả nước. Hiện nay, chỉ số này thực tế của tỉnh chỉ đạt khoảng 35%.

- Về giao thông: Mục tiêu là 85% số thôn có đường xe cơ giới, trong đó có 35% số xã và 50% số thôn có đường giao thông đạt chuẩn. Hiện nay mục tiêu này chưa đạt. Thực tế chỉ số này của tỉnh tương ứng ở cấp xã là 19,6% và thôn là 8,5%.

- Về thủy lợi: Mục tiêu là các công trình thủy lợi nhỏ được đầu tư đáp ứng 50% nhu cầu tưới tiêu cho diện tích cây hàng năm. Hiện nay mục tiêu này chưa đạt.

- Về y tế: Mục tiêu là trên 50% Trạm y tế xã được chuẩn hóa. Hiện nay, chỉ số này thực tế của tỉnh chỉ đạt khoảng 26,8%.

- Về các công trình hạ tầng giáo dục, văn hóa: Mục tiêu là các công trình này được quan tâm đầu tư để đạt mục tiêu của Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững. Hiện nay chỉ tiêu này chưa đạt.

2. Quyết định số 1342/QĐ-TTg và Quyết định số 33/QĐ-TTg

- Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 là nhằm tạo điều kiện cho đồng bào DTTS còn du canh, du cư có nơi ở ổn định, có đủ điều kiện phát triển sản xuất.

- Định mức hỗ trợ cho ngân sách xã tiếp nhận các hộ du canh, du cư đến ĐCĐC xen ghép với mức 20 triệu đồng/hộ để bồi thường đất ở, đất sản xuất cho hộ dân sở tại bị thu hồi đất để giao cho hộ đến ĐCĐC và phần kinh phí còn lại đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu của xã là quá thấp.

- Với mức hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/hộ để làm nhà, lắp điện sinh hoạt, nước sinh hoạt, mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi về ở tại điểm ĐCĐC và hỗ trợ phát triển sản xuất so với tình hình thực tế hiện nay là quá thấp không phù hợp.

- Vốn Trung ương bố trí từ năm 2009 đến nay (tổng vốn là 93.300,00 triệu đồng đạt 46,8% so KH vốn tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg, trong đó: vốn ĐTPT là 38.600,0 triệu đồng chiếm 29,7% và vốn SN là 54.700,0 triệu đồng chiếm 90,3% so KH vốn tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg) nguồn vốn bố trí chưa đáp ứng theo kế hoạch nên địa phương gặp nhiều khó khăn:

+ Không đảm bảo thực hiện được mục tiêu của Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

+ Tỉ lệ giữa hai nguồn vốn ĐTPT và nguồn vốn sự nghiệp đã bố trí chưa hợp lý, vì chưa có vốn ĐTPT để xây dựng cơ sở hạ tầng mà lại bố trí vốn sự

nghiệp để hỗ trợ trực tiếp cho hộ về điểm ĐCĐC tập trung, nên nguồn vốn sự nghiệp đã phân cho một số Dự án ĐCĐC tập trung không thể giải ngân được (vì chưa đầu tư cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh thì không thể đưa dân đến sinh sống). Do vậy, năm 2015 Trung ương bố trí vốn sự nghiệp là 9.400 triệu đồng, đến nay chưa phân bổ được vì: hình thức ĐCĐC xen ghép không còn đối tượng để thực hiện; các Dự án ĐCĐC tập trung còn lại chưa được bố trí vốn ĐTPT để xây dựng hạ tầng thiết yếu nên chưa có cơ sở để phân bổ vốn này.

3. Nghị định 134/NĐ-CP

- Việc tạo nguồn cán bộ cũng như xây dựng chiến lược, quy hoạch đào tạo cán bộ cho từng huyện, từng dân tộc, từng địa bàn chưa được cấp ủy Đảng và chính quyền quan tâm đúng mức; xét chọn học sinh cử đi học cử tuyển ở một số ít hội đồng tuyển sinh huyện đôi khi còn hiện tượng nể nang.

- Các địa phương khi xét chọn học sinh cử đi học cử tuyển, không chỉ rõ vị trí việc làm cho học sinh được cử đi học tại các cơ quan đơn vị của địa phương; do vậy, khi học sinh tốt nghiệp ra trường đến nộp hồ sơ tại địa phương thì không phân công công tác được.

- Các địa phương chưa bố trí cán bộ theo dõi, phối hợp với các sở, ban, ngành làm tốt công tác quản lý việc học tập, rèn luyện của sinh viên, cũng như đến khi tốt nghiệp trở về địa phương công tác.

- Hầu hết các trường đại học, cao đẳng không thông báo kết quả đào tạo của sinh viên cử tuyển theo học kì, theo năm học, để tỉnh kịp thời nắm bắt thông tin học sinh, đồng thời phối kết hợp với các trường trong công tác giáo dục, quản lý sinh viên đạt hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

- Hiện nay, có nhiều học sinh người dân tộc thiểu số ở Quảng Ngãi đăng ký thi tuyển trong các kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng hằng năm và đang học tại các trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc có chất lượng tốt hơn so với các em được đi học cử tuyển, nhưng sau khi tốt nghiệp ra trường thì không được bố trí việc làm mà phải tự đi xin việc.

- Chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp, hơn nữa, trong quá trình đào tạo một số trường còn ưu tiên, hạ thấp yêu cầu đối với học sinh cử tuyển. Hàng năm, tỉnh hầu như thiếu thông tin về chất lượng sinh viên cử tuyển tại các trường.

- Số sinh viên bỏ học và bị buộc thôi học trong giai đoạn 2011 - 2014: 14 sinh viên (Trà Bồng: 03; Sơn Tây: 03; Tây Trà: 08) đây mới chỉ là số lượng sinh viên mà UBND các huyện báo cáo thông qua nhiều kênh thông tin.

- Về công tác thu hồi tiền bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo qui định chưa thực hiện được: do hoàn cảnh kinh tế của gia đình quá khó khăn và một số đối tượng bỏ đi khỏi địa phương đăng ký hộ khẩu thường trú, chính

quyền địa phương không nắm được nơi cư trú mới của đối tượng bỏ học hoặc bị buộc thôi học.

V. Kiến nghị của địa phương

1. Chương trình 135

- Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình 135 trong giai đoạn 2016-2020. Ngoài các nội dung đang thực hiện (*đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất và duy tu bảo dưỡng công trình CSHT*) cần bổ sung 02 nội dung hỗ trợ gồm: (i) đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ xã và cộng đồng, (ii) truyền thông, giám sát và đánh giá Chương trình.

- Các bộ, ngành tham mưu cho Chính phủ phân bổ vốn cho Chương trình đúng theo định mức đã được Thủ tướng Chính phủ qui định tại Quyết định số 551/QĐ-TTg; đồng thời phối hợp, có văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình cho cả giai đoạn kịp thời và đồng bộ trong năm 2015 để có thể sử dụng ngay khi bắt đầu giai đoạn 2016-2020.

2. Quyết định số 1342/QĐ-TTg và Quyết định số 33/QĐ-TTg

- Cân đối, bố trí đủ kinh phí theo kế hoạch các Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm tạo cơ sở để thực hiện tốt các nội dung của Chính sách, có vậy mới nhanh chóng ổn định đời sống và sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số còn du canh, du cư đạt được mục tiêu của Chính sách theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trước mắt để giải ngân được kinh phí sự nghiệp đã bố trí cho 10 Dự án ĐCĐC tập trung (*chưa đủ vốn ĐTPT và chưa bố trí vốn ĐTPT*), Trung ương quan tâm bố trí 35.604 triệu đồng từ nguồn vốn ĐTPT để đầu tư xây dựng dứt điểm 10 Dự án này.

- Cho chuyển nguồn vốn sự nghiệp là 9.400 triệu đồng Trung ương đã phân bổ cho tỉnh để thực hiện ĐCĐC trong năm 2015 sang năm 2016 (*do không giải ngân được theo lý do đã nêu trên*).

- Tăng định mức hỗ trợ 15 triệu đồng/hộ để làm nhà, phát triển sản xuất, mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi về ở điểm ĐCĐC lên mức hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ.

- Cho chủ trương, hướng dẫn điều chỉnh tổng mức đầu tư của từng Dự án ĐCĐC tập trung còn lại để phù hợp với tình hình trượt giá hiện nay.

3. Về chính sách theo Nghị định 134

- Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc làm việc với Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ sở đào tạo có văn bản phản ánh về tình hình, kết quả học tập của học sinh cử tuyển đang theo học tại các trường từng năm về địa phương cử đi học để phối hợp theo dõi, quản lý, tránh tình trạng nhiều học sinh bỏ học giữa chừng, lưu ban nhiều năm mà địa phương cử đi học không biết.

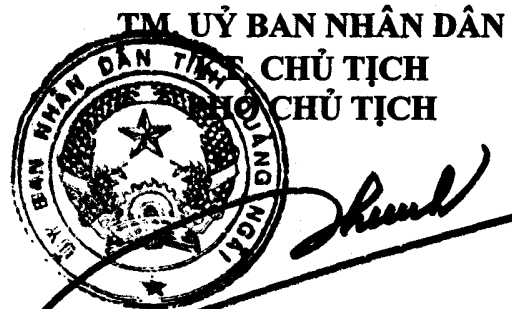
- Chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng bàn giao hồ sơ tốt nghiệp của sinh viên cử tuyển cho UBND tỉnh Quảng Ngãi (giao Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo và Ban Dân tộc tỉnh tham mưu bố trí sắp xếp việc làm), không được phát trực tiếp cho sinh viên.

- Nghiên cứu thay đổi phương thức cử tuyển bằng phương thức hỗ trợ về tinh thần, vật chất cho các em người dân tộc thiểu số thi tuyển trong các kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng hằng năm và đang học tại các trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc.

Trên đây là kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II, Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015, Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009, Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2011- 2014, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Đoàn thanh tra của Ủy ban Dân tộc./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- Đoàn Thanh tra của Ủy ban Dân tộc;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải;
- VPUB: CVP, CBTH;
- Lưu: VT, pĐNMN.



Lê Quang Thích

TÌNH HÌNH KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH 135, DỰ ÁN 2 THUỘC CTMTCCGN, QUYẾT ĐỊNH 51/TTG

TỪ NĂM 2011 ĐẾN HẾT NĂM 2014 TỈNH QUẢNG NGÃI

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng kinh phí các năm				Năm 2011				Năm 2012				Năm 2013				Năm 2014			
		Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
I	Kinh phí được Trung ương giao	301,704	261,804		39,900	75,014	68,714	-	6,300	67,300	48,200	-	19,100	61,770	57,270	-	4,500	97,620	87,620		10,000
II	Tổng kinh phí được sử dụng	302,054	261,804	350	39,900	75,014	68,714	-	6,300	67,300	48,200	-	19,100	61,770	57,270	-	4,500	97,620	87,620	350	10,000
III	Kinh phí tình phân bổ	302,054	261,804	350	39,900	75,014	68,714	-	6,300	67,300	48,200	-	19,100	61,770	57,270	-	4,500	97,970	87,620	350	10,000
1	Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất	33,200	33,200	-	-	14,150	14,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19,050	19,050	-	-
	- <i>Vốn đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- <i>Vốn sự nghiệp</i>	33,200	33,200	-	-	14,150	14,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19,050	19,050	-	-
2	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu	214,000	214,000	-	-	48,200	48,200	-	-	48,200	48,200	-	-	53,000	53,000	-	-	64,600	64,600	-	-
3	Dự án Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở	2,985	2,985	-	-	2,985	2,985	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Kinh phí duy tu bảo dưỡng	11,277	11,277	-	-	3,037	3,037	-	-	-	-	-	-	4,270	4,270	-	-	3,970	3,970	-	-
5	Kinh phí quản lý	692	342	350	-	342	342	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	350	-	350	-
6	Dự án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng sử dụng vốn viện trợ nước ngoài cho CT 135	39,900	-	-	39,900	6,300	-	-	6,300	19,100	-	-	19,100	4,500	-	-	4,500	10,000	-	-	10,000

TÌNH HÌNH KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐCĐC TT QUYẾT ĐỊNH SỐ 1342/QĐ-TTg VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 33/2013/QĐ-TTg TỪ NĂM 2011 ĐẾN HẾT NĂM 2014 TỈNH QUẢNG NGÃI

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng kinh phí các năm			Năm 2011			Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014			
		Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	NSTW	NSDP	Nguồn khác	NSTW	NSDP	Nguồn khác	NSTW	NSDP	Nguồn khác	NSTW	NSDP	Nguồn khác
I	KP năm trước chuyển sang																
1	Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng																
	- Vốn đầu tư phát triển																
	+ Dự toán																
	+ Dự tạm ứng																
	- KP sự nghiệp																
	+ Dự toán																
	+ Dự tạm ứng																
2	Hỗ trợ trực tiếp cho hộ DCDC thực hiện ĐCĐC																
	- Dự toán																
	- Dự tạm ứng																
	Kết dư																
II	KP được Trung ương giao																
1	Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng																
	- Vốn đầu tư phát triển																
	- KP sự nghiệp																
2	Hỗ trợ trực tiếp cho hộ DCDC thực hiện ĐCĐC																
A	Vốn đầu tư phát triển		24,600.00						5,000.00			4,600.00			15,000.00		
B	Vốn sự nghiệp		17,214.00			-			1,414.00			8,000.00			7,800.00		
III	Tổng KP được sử dụng																
1	KP năm trước chuyển sang																
2	KP được Trung ương giao	41,625.90	41,625.90	6,414.00	.	.	12,511.30	.	.	22,700.60	.	.
IV	KP tình phân bổ	43,015.90	41,625.90	1,390.00	-	-	418.00	-	6,414.00	492.00	-	12,511.30	380.00	-	22,700.60	100.00	-
1	Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng	29,192.10	27,802.10	1,390.00	-	-	418.00	-	5,176.50	492.00	-	6,071.20	380.00	-	16,554.40	100.00	-
	- Vốn đầu tư phát triển	25,610.00	24,600.00	1,010.00	-	-	418.00	-	5,000.00	492.00	-	4,600.00	-	-	15,000.00	100.00	-
	- KP sự nghiệp	3,582.10	3,202.10	380.00	-	-	.	-	176.50	-	-	1,471.20	380.00	-	1,554.40	-	-

2	Hỗ trợ trực tiếp cho hộ DCDC thực hiện ĐCĐC	13,823.80	13,823.80	1,237.50	.	.	6,440.10	.	.	6,146.20	.	.
V	KP thực rút tại kho bạc		
1	Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng																
	- Vốn đầu tư phát triển	24,483.00	24,483.00						4,883.00			4,600.00			15,000.00		
	- KP sự nghiệp		
2	Hỗ trợ trực tiếp cho hộ DCDC thực hiện ĐCĐC	3,804.00															
VI	KP đã quyết toán		23,527.92														
1	Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng		23,527.92	4,883.00	.	.	4,223.74	.	.	14,421.18	.	.
	- Vốn đầu tư phát triển		23,527.92						4,883.00			4,223.74			14,421.18		
	- KP sự nghiệp			
2	Hỗ trợ trực tiếp cho hộ DCDC thực hiện ĐCĐC																
VII	KP giảm trong năm																
I	Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng																
	- Vốn đầu tư phát triển																
	- KP sự nghiệp																
2	Hỗ trợ trực tiếp cho hộ DCDC thực hiện ĐCĐC																
VIII	Kinh phí dự cuối năm											368.12	.	.	703.96	.	.
1	Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng											368.12	.	.	703.96	.	.
	- Vốn đầu tư phát triển		1,072.08									368.12	.	.	703.96	.	.
	+ Dự toán		117.00									.	.	117.00	.	.	
	+ Dự tạm ứng		955.08									368.12	.	.	586.96	.	.
	- KP sự nghiệp																
	+ Dự toán																
	+ Dự tạm ứng																
2	Hỗ trợ trực tiếp cho hộ DCDC thực hiện ĐCĐC	2,701.00															
	- Dự toán	2,701.00															
	- Dự tạm ứng																

* **Ghi chú:** Kinh phí sự nghiệp hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng ở Phụ biểu 02 trên đây được hiểu là kinh phí hỗ trợ áp dụng khoa học kỹ thuật, giống mới đưa vào sản xuất và kinh phí hỗ trợ cán bộ phát triển cộng đồng (cán bộ y tế và cán bộ khuyến nông) tại các điểm ĐCĐC tập trung. Thời gian hỗ trợ 03 năm tính từ khi đã tổ chức các hộ về điểm ĐCĐC tập trung.

**CHỈ TIÊU CỬ TUYỂN ĐƯỢC BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
PHÂN BỐ CHO TỈNH QUẢNG NGÃI
TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2014.**

TT	Huyện	2011	2012	2013	2014	Tổng cộng
1	Trà Bồng	7	8	14	0	29
2	Sơn Hà	7	10	3	8	28
3	Ba Tơ	6	6	5	8	25
4	Minh Long	5	5	4	2	16
5	Sơn Tây	6	7	8	2	23
6	Tây Trà	9	5	19	17	50
	Tổng cộng	40	41	53	37	171

**SỐ LƯỢNG HỌC SINH CỬ TUYỂN
ĐƯỢC UBND TỈNH QUẢNG NGÃI CỬ ĐI HỌC
TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2014.**

TT	Huyện	2011	2012	2013	2014	Tổng cộng
1	Trà Bồng	7	8	12	0	27
2	Sơn Hà	7	10	3	10	30
3	Ba Tơ	6	6	5	0	17
4	Minh Long	5	5	4	4	18
5	Sơn Tây	6	7	8	2	23
6	Tây Trà	9	5	19	17	50
	Tổng cộng	40	41	51	33	165